TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2021
"Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghề
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về: "Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H – sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C;

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L, phường H, quận M, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Triều Q, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G thuộc chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Kiên Giang (theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS) (có mặt).

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Sau thời gian tự tìm hiểu, bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C không lo làm ăn, cờ bạc và đánh vợ con nhiều lần làm cho cuộc sống không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 12/2019. Nay, bà nhận thấy hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nên bà yêu cầu ly hôn.

Thời gian chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên: Nguyễn Thành L – sinh năm 1995, Nguyễn Thị Tú T – sinh năm 1997 (đều đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc N – sinh ngày 04/5/2003 (đang sống cùng với bà).

Tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận.

Nợ chung: Vợ chồng bà có vay của Ngân hàng C – Phòng giao dịch G số tiền vốn gốc 10.000.000đ (vay vào 03 đợt: Đợt 1 vào ngày 07/7/2006 vay 7.000.000đ; Đợt 2 vào ngày 08/9/2006 vay 2.000.000đ và đợt 3 vào ngày 08/9/2006 vay 1.000.000đ), để cất nhà vượt lũ. Từ ngày vay đến nay, vợ chồng bà có trả được cho ngân hàng số tiền gốc 2.000.000đ, lãi 4.829.000đ và còn nợ lại ngân hàng số tiền gốc 8.000.000đ và lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C; Về con chung, Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Tú T đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu gì, bà yêu cầu được nuôi Nguyễn Ngọc N, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, ông bà tự thỏa thuận; về nợ chung, bà H tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ cho Ngân hàng C số tiền gốc 8.000.000đ và lãi phát sinh nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà H hẹn đến ngày 08/02/2021 sẽ trả đủ số tiền gốc 8.000.000đ và lãi phát sinh cho ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2020 và Biên bản hòa giải ngày 09/12/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông và bà H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà có 03 con chung, 02 con lớn đã trưởng thành, còn con nhỏ nhất tên Nguyễn Ngọc N thì đang sống cùng với bà H. Còn về mâu thuẫn vợ chồng theo ông xác định là do bà H tự bỏ nhà đi từ 2018 đến nay rồi về đòi ly hôn, ông thừa nhận có mấy lần đánh vợ, con nhưng không có gây thương tích gì.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân, ông C đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị Tuyết H; Về con chung: Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Tú T đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu gì; ông đồng ý giao con tên Nguyễn Ngọc N cho bà H nuôi, ông không cấp dưỡng; Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Ông thừa nhận ông bà còn nợ Ngân hàng C số tiền gốc 8.000.000đ và lãi phát sinh nhưng ông không đồng ý trả cho ngân hàng và cho rằng bà H tự bỏ nhà đi nên bà H phải tự chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngân hàng C có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Nguyễn Văn C vay số tiền gốc 10.000.000đ (vay vào 03 đợt: Đợt 1 vào ngày 07/7/2006 vay 7.000.000đ; Đợt 2 vào ngày 08/9/2006 vay 2.000.000đ và đợt 3 vào ngày 08/9/2006 vay 1.000.000đ), mục đích vay cất nhà vượt lũ, lãi suất của món vay đợt 1 và đợt 2 là 0,25%/tháng, món vay đợt 3 là 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất cho vay. Từ ngày vay đến nay, vợ chồng bà H có trả được cho ngân hàng số tiền gốc 2.000.000đ (tiền gốc của đợt vay 2), lãi 4.829.000đ và còn nợ lại ngân hàng số tiền gốc 7.000.000đ của món vay 1 và 1.000.000đ của món vay 3, tổng cộng là 8.000.000đ và đã chuyển nợ quá hạn nhưng bà H, ông C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay, bà H, ông C ly hôn nên ngân hàng yêu cầu bà H, ông C phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 18/01/2021 là 8.147.317đ, trong đó: nợ gốc 8.000.000đ và tiền lãi 147.317đ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng C đồng ý theo yêu cầu của bà H là bà H tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 18/01/2021 là 8.147.317đ, trong đó: nợ gốc 8.000.000đ, lãi là 147.317đ và lãi phát sinh theo khế ước nhận nợ kể từ ngày 19/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, Điều 81, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Văn C là quan hệ vợ chồng; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc N – sinh ngày 04/5/2003 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông C không phải cấp dưỡng. Về nợ chung, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng C, buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 8.000.000đ và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong khoản nợ. Về tài sản chung: Bà H và ông C xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu do đó không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại

Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ngân hàng C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bà H, ông C trả lại số nợ vay của ngân hàng khi ly hôn và được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông Nguyễn Văn C với tư cách là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau năm 1994 đến trước ngày nộp đơn ly hôn, ông bà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Bà H cho rằng, ông C không lo làm ăn, cờ bạc và đánh vợ con nhiều lần làm cho cuộc sống không còn hạnh phúc nên đã tự ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà H cũng đã suy nghĩ rất kỹ và xác định không thể hàn gắn tình cảm lại được nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C. Tại biên bản hòa giải ngày 09/12/2020 ông C thừa nhận ông có đánh vợ con nhiều lần, ông đồng ý ly hôn với bà H. Do hôn nhân của ông bà là không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn nên áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà H và ông C là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông C xác định, ông bà có 03 con chung tên: Nguyễn Thành L – sinh năm 1995, Nguyễn Thị Tú T – sinh năm 1997 và Nguyễn Ngọc N – sinh ngày 04/5/2003. Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Tú T đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu gì, ông bà thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu N cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà H. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà phù hợp với nguyện vọng của cháu N và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông C phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 18/01/2021 là 8.147.317đ, trong đó: nợ gốc 8.000.000đ, lãi là 147.317đ và lãi phát sinh theo khế ước nhận nợ kể từ ngày 19/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông C đều thừa nhận còn nợ Ngân hàng C số tiền nợ gốc 8.000.000đ và lãi phát sinh theo khế ước nhận nợ. Tại phiên tòa, bà H tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ cho Ngân hàng C số tiền gốc 8.000.000đ và lãi phát sinh theo khế ước nhận nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà H hẹn đến ngày 08/02/2021 sẽ trả đủ số tiền gốc 8.000.000đ và lãi phát sinh cho ngân hàng. Xét thấy, Ngân hàng C đã giải ngân số tiền vay cho bà H, ông C theo đúng nhu cầu vay vốn của ông bà được xác nhận tại 02 khế ước vay tiền ngày 07/7/2006 và 08/9/2006 nhưng đến nay tất cả các khoản vay đều đã quá hạn nên việc bà H, ông C không thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong khế ước vay tiền mà hai bên đã ký kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 BLDS 2015.

Tại phiên tòa, Ngân hàng C đồng ý cho bà H tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng vào ngày 08/02/2021 và không yêu cầu ông C phải trả nợ nên ghi nhận. Bà H không yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với bà nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông C xác định ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp do có yêu cầu. Án phí dân sự có giá ngạch bằng 407.365đ (8.147.317đ x 5%) bà H phải nộp do bà tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng C.

Ngân hàng C không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 11, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Văn C là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc N – sinh ngày 04/5/2003 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông thực hiện quyền này.

Khi cần thiết ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng C.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Ngân hàng C với bà Nguyễn Thị Tuyết H là bà H tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ cho Ngân hàng C số tiền 8.147.317đ (tám triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc 8.000.000đ, lãi là 147.317đ và lãi phát sinh theo khế ước nhận nợ kể từ ngày 19/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, trả một lần vào ngày 08/02/2021.

Kể từ ngày Ngân hàng C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi từ ngày 19/01/2021 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong khế ước vay tiền trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ và án phí dân sự có giá ngạch số tiền 407.365đ, tổng cộng 02 khoản là 707.365đ (bảy trăm lẻ bảy nghìn, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005240, ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp thêm số tiền án phí là 407.365đ (bốn trăm lẻ bảy nghìn, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/01/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Nghề